

## Mục lục

### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

### II. TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG ĐHSP TĐTT HÀ NỘI

1. Giới thiệu tóm tắt quá trình phát triển của trường .....	1
2. Chức năng, nhiệm vụ của Trường.....	2
3. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi.....	2
4. Cơ cấu tổ chức quản lý, bộ máy trường .....	2
5. Đội ngũ cán bộ, giảng viên .....	3
6. Kết quả công tác đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế .....	4
6.1. Về công tác đào tạo .....	4
6.2. Về công tác đào tạo Giáo dục quốc phòng - an ninh .....	5
6.3 Về công tác bồi dưỡng.....	5
6.4 Về công tác nghiên cứu khoa học. ....	5
6.5. Về công tác hợp tác quốc tế .....	6
7. Thực trạng về cơ sở vật chất.....	7
7.1. Thực trạng .....	7
7.2. Tần suất khai thác, sử dụng thiết bị.....	8
1. Mục tiêu chung.....	9
2. Mục tiêu cụ thể.....	9
2.1. Về quy mô, ngành nghề đào tạo.....	9
2.2. Về khoa học công nghệ.....	10
2.3. Về hợp tác quốc tế.....	10
2.4. Về đảm bảo chất lượng .....	10
2.5. Về phát triển đội ngũ .....	10
2.6. Về nguồn lực tài chính.....	11
2.7. Về cơ sở vật chất .....	11
2.8. Về kết nối và phục vụ cộng đồng.....	11
3. Quy mô tuyển sinh dự kiến của Trường trong 5 năm tới.....	11
4. Bảng các phụ lục tiêu chuẩn định mức.....	12
4.1. Phụ lục 1: Tiêu chuẩn, định mức phòng làm việc và trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến .....	12
4.2. Phụ lục 2: Tiêu chuẩn định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng .....	17
4.3. Phụ lục 3: Tiêu chuẩn định mức các phần mềm chuyển đổi số .....	28
<b>III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>33</b>

# **TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG PHỔ BIẾN VÀ TRANG THIẾT BỊ, MÁY MÓC CHUYÊN DỤNG TRƯỜNG ĐHSPTDĐT HÀ NỘI**

## **DỰ THẢO**

### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.
- Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.
- Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 12 năm 2017, của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;
- Căn cứ thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT, ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;
- Căn cứ thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/ 02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;
- Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHSPTDĐTTHN, ngày 20/04/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trường.

### **II. TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG ĐHSPTDĐT HÀ NỘI**

#### **1. Giới thiệu tóm tắt quá trình phát triển của trường**

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội thành lập ngày 27/02/1961, tiền thân là Trường TĐTT, thuộc Bộ Giáo dục. Trường đã có nhiều lần được đổi tên gọi cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ, đó là: Năm 1981, Trường được nâng cấp và đổi tên thành Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương; Năm 1985, Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục TW số 1; năm 2003, tại Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 của Thủ tướng quyết định nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục TW số 1 thành Trường ĐH Sư phạm TĐTT Hà Tây và năm 2008, tại Quyết định số 1647/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008 Thủ tướng Chính phủ quyết định đổi tên

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Tây thành Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

Quá trình hình thành và phát triển, Trường là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam có nhiệm vụ đào tạo giáo viên TĐTT trình độ đại học và sau đại học; Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên TĐTT; Nghiên cứu và ứng dụng khoa học giáo dục thể chất; Đào tạo kiến thức quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp ... khu vực Hà Nội.

## **2. Chức năng, nhiệm vụ của Trường**

Trường có chức năng, nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên Giáo dục thể chất trình độ đại học, sau đại học và bồi dưỡng giáo viên thể dục cho các trường sư phạm, các trường đại học, cao đẳng và các trường phổ thông trong cả nước; Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; Đào tạo cấp chứng chỉ môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội; Bồi dưỡng cán bộ giáo viên giáo dục thể chất cho các trường phổ thông.

## **3. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi**

### **Sứ mạng**

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo dục thể chất, thể dục thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giáo dục thể chất, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.

### **Tầm nhìn**

Đến năm 2030 sẽ trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo giáo dục thể chất, thể dục thể thao; giáo dục quốc phòng và an ninh; chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

### **Giá trị cốt lõi**

Chất lượng - Mô phạm - Sáng tạo - Phát triển.

## **4. Cơ cấu tổ chức quản lý, bộ máy trường**

Cơ cấu tổ chức của trường gồm:

- Hội đồng trường.
- Ban Giám hiệu.
- Các hội đồng tư vấn.
- Tổ chức Đảng, Đoàn thể.
- + Đảng bộ Trường.
- + Công đoàn trường.
- + Đoàn thanh niên trường.

- Các đơn vị trực thuộc BGH: Gồm 22 đơn vị, trong đó phòng, khoa gồm 17 đơn vị; Trung tâm, Viện gồm 4 đơn vị và 01 tạp chí khoa học GDTC và Thể thao

trường học.

- Các đơn vị trực thuộc khoa, trung tâm, viện gồm 16 Bộ môn; 01 phòng và 01 trạm Y tế.

- Các phòng, khoa trực thuộc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo cơ cấu quy định tại Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDDT-BLDTBXH ngày 05/11/2015.

<b>Bảng 1. Thông tin về số đơn vị Phòng ban trực thuộc BGH các năm.</b>						
STT	Năm học	Phòng Ban chức năng	Trung tâm - Viện nghiên cứu	Khoa - Ngành chuyên môn	Chi nhánh - Cơ sở liên kết	Ghi chú
1	2018 - 2019	5	4	6		
2	2019 - 2020	6	5	6		
3	2020 - 2021	7	4	8		
4	2021 - 2022	7	4	10		

### 5. Đội ngũ cán bộ, giảng viên

Tổng số cán bộ, giảng viên: 229. Trong đó: Phó Giáo sư: 03; Tiến sĩ: 22; Thạc sĩ 111; NCS: 2; Đại học và trình độ khác 68 và 23 sỹ quan biệt phái. Trình độ đội ngũ Nhà trường được thể theo bảng sau:

<b>Bảng 2. Thông tin về trình độ đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý</b>							
TT	NỘI DUNG	Trình độ					
		Giáo sư	Phó Giáo sư	TSKH, Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đang học NCS	ĐH và trình độ khác
<b>I</b>	<b>KHỐI GIẢNG VIÊN</b>	0	3	22	99	2	8
<b>II</b>	<b>KHỐI HÀNH CHÍNH</b>	Trình độ					
		0	0	0	12	0	60
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>0</b>	<b>3</b>	<b>22</b>	<b>111</b>	<b>2</b>	<b>68</b>

**Bảng 3.** Thông tin về giảng Cán bộ quản lý, giảng viên, Giảng viên khối thực hành và cán bộ quản lý cơ sở vật chất, được mô tả theo bảng sau:

STT	Năm học	Cán bộ quản lý	Giảng viên (Giảng viên cơ hữu, hợp đồng dài hạn, trực tiếp/ thỉnh giảng)	Giáo viên thực hành, cán bộ phụ trách phòng thí nghiệm	Cán bộ làm công tác quản lý cơ sở vật chất và thiết bị
1	2018 - 2019	43	151	107	9
2	2019 - 2020	40	149	106	7
3	2020 - 2021	42	142	97	7
4	2021 - 2022	41	136	93	7

## 6. Kết quả công tác đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế

### 6.1. Về công tác đào tạo

Hàng năm, Nhà trường tổ chức triển khai công tác đào tạo theo đúng tinh thần Chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tập trung đa dạng hóa phương thức đào tạo, gắn với thị trường và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, cụ thể hóa thành kế hoạch đào tạo năm học và Kế hoạch giảng dạy và học tập của năm học; tiến hành cập nhật các chương trình đào tạo điều chỉnh, bổ sung theo chu kỳ 2 năm 1 lần; ban hành đầy đủ các quy định công tác đào tạo; triển khai cải tiến công tác quản lý đào tạo, tổ chức dạy và học theo tín chỉ; thực hiện và quản lý chương trình đào tạo bảo đảm chất lượng theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học.

Tăng cường đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực, tăng cường kỹ năng ứng dụng và thực hành, chú trọng đạo đức nghề nghiệp. Tăng cường gắn kết doanh nghiệp với cơ sở giáo dục đại học cùng tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, thực tập và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp; đẩy mạnh các hoạt động thi giảng cấp trường, cấp bộ, hoạt động dự giờ, thăm lớp. tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giảng dạy, sử dụng giáo án điện tử ...100% các môn thực hành đã sử dụng băng hình thường xuyên kết hợp với sử dụng nhiều dụng cụ hỗ trợ góp phần nâng cao hiệu quả giờ dạy, sinh viên hứng thú học tập, tiếp thu bài học tốt hơn, chất lượng đào tạo ngày càng được nâng lên.

Nhà trường đã tiến hành triển khai quy trình tổ chức tuyển sinh theo đúng quy định, được công khai minh bạch, nên đã đến với xã hội, tạo cơ hội cho thí sinh lựa chọn ngành nghề; thu hút được nhiều sinh viên từ các tỉnh khu vực miền Trung trở ra các tỉnh miền Bắc theo học, trong đó có nhiều vận động viên là đội tuyển Quốc gia. Công tác tuyển sinh của Nhà trường hàng năm đều thực hiện đúng theo quy định và chỉ tiêu Bộ Giáo dục và Đào tạo giao; kết quả tuyển sinh của Nhà trường ở các trình độ đại học, liên thông đại học và trình độ sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) từ năm 2017

đến năm 2021 được thể hiện chi tiết ở bảng dưới đây. Đặc biệt năm 2021 do phải ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Nhà trường đã linh hoạt trong công tác tuyển sinh môn năng khiếu, qua đó đã tuyển sinh được 527 sinh viên, học viên.

**Bảng 4. Thông tin về kết quả tuyển sinh và quy mô đào tạo**

Trình độ đào tạo	Kết quả tuyển sinh					Quy mô đào tạo				
	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Trình độ Đại học</b>										
- ĐHCQ	297	245	279	382	317	1161	774	804	964	1166
-ĐHLT	222	102	195	563	210	415	324	297	740	848
<b>2. Trình độ SDH</b>										
- Thạc sĩ	47	58	54	72	43	106	105	112	125	115
- Tiến sĩ	0	0	0	0	4	0	0	0	0	4
<b>Tổng số</b>	<b>566</b>	<b>405</b>	<b>528</b>	<b>1017</b>	<b>570</b>	<b>1682</b>	<b>1203</b>	<b>1213</b>	<b>1829</b>	<b>2133</b>

Quy mô đào tạo các loại hình được ổn định. Tổng số học viên, sinh viên của Trường hàng năm dao động từ 1203 sinh viên, học viên đến 2133 sinh viên, học viên.

### **6.2. Về công tác đào tạo Giáo dục quốc phòng - an ninh**

Trung tâm GDQP-AN, đơn vị trực thuộc Trường đào tạo được gần 282.000 sinh viên, lưu lượng gần 18.000 sinh viên/năm.

**Bảng 5. Thông tin về quy mô đào tạo sinh viên Trung tâm GDQP&AN**

Trình độ đào tạo	Kết quả đào tạo 3 năm gần nhất			Dự kiến quy mô các năm tiếp theo		
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
<b>1. loại hình đào tạo</b> (Đào tạo cho các trường khu vực Hà Nội)						
Cấp chứng chỉ GDQP&AN	13.852	14.463	19.634	19.000	19.500	20.000

### **6.3 Về công tác bồi dưỡng**

Từ năm 2016 đến nay trung bình mỗi năm mở từ 4-5 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác huấn luyện thể thao; lớp nghiệp vụ công tác đoàn, đội; mở 10 khóa bồi dưỡng giảng dạy bơi lội và cứu đuối; 02 khóa bồi dưỡng cho 32 cán bộ, giảng viên nước bạn CHDCND Lào; 10 khóa bồi dưỡng trại hè kỹ năng cho học sinh.

### **6.4 Về công tác nghiên cứu khoa học.**

- Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ của trường được nghiệm thu trong 5 năm: 108 đề tài, trong đó 05 đề tài cấp Bộ; 103 đề tài cấp trường.

- Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm. Tổng

số tham gia: 111, trong đó tham gia đề tài cấp Bộ: 24; Tham gia đề tài cấp trường 94.

- Số lượng sách của trường được xuất bản trong 5 năm: 04 Sách giáo trình (Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu:  $4/148 \approx 2.7\%$ ).

- Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách trong 5 năm: Sách chuyên khảo 01 Sách giáo trình 13.

- Số lượng bài của cán bộ cơ hữu được đăng tạp chí trong 5 năm.

+ Tạp chí KH quốc tế. 05, trong đó 01 bài danh mục Scopus.

+ Tạp chí KH cấp Ngành trong nước: 83 bài.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $88/148 \approx 59.46\%$ .

- Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình và kỷ yếu 5 năm gần đây: 66 (Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu:  $66/148 \approx 44.59\%$ ).

- Số lượng cán bộ cơ hữu của trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình và kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

+ Hội thảo quốc tế: 11.

+ Hội thảo trong nước 08.

+ Hội thảo của trường 24.

- Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

- Đề tài cấp Bộ 01 Đề tài cấp trường 91.

- Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo (cấp toàn quốc) 17.

- Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo (cấp Trường) 25.

- Số bài báo được đăng, công trình được công bố: 56.

### ***6.5. Về công tác hợp tác quốc tế***

Bên cạnh thường xuyên giữ mối quan hệ hợp tác quốc tế trong việc đào tạo CB, GV trình độ tiến sỹ, thạc sỹ chuyên ngành TDTT, giai đoạn 2016-2021, Nhà trường tăng cường ký kết hợp tác thỏa thuận gồm:

- Năm 2017: Số lượng đoàn ra 06; Số lượng đoàn vào 01.

- Năm 2018: Số lượng đoàn ra 06; Số lượng đoàn vào 05.

- Năm 2019: Số lượng đoàn ra 03; Số lượng đoàn vào 03.

- Năm 2020: Số lượng đoàn ra 02; Số lượng đoàn vào 01.

- Năm 2021: Phối hợp với Viện Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo quốc tế với hàng trăm đơn vị, tổ chức,

cá nhân tham gia.

Từ 2018, hàng năm tiếp nhận từ 10 đến 20 em lưu học sinh CHDCND Lào sang học ở trình độ cao học và đại học; tổ chức bồi dưỡng 02 đợt với trên 20 cán bộ giáo viên TDTT nước CHDCND Lào/đợt tham gia học tập.

### **6.6. Về công tác kiểm định chất lượng.**

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội thực hiện theo 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác kiểm định đánh giá ngoài được đơn vị có uy tín cao là Trung tâm kiểm định Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện năm 2020 và được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quyết định số: 204/QĐ-KĐCL ngày 6/8/2020.

## **7. Thực trạng về cơ sở vật chất**

### **7.1. Thực trạng**

Từ khi thành lập đến nay, cơ sở vật chất của Nhà trường không ngừng được đầu tư, xây dựng, mua sắm đáp ứng theo từng bước phát triển và quy mô đào tạo. Công tác bảo trì, mua sắm cải tạo, sửa chữa thường xuyên được thực hiện theo kế hoạch từng năm kết hợp với việc đầu tư từ các chương trình, dự án... Tuy vậy, nhiều tài sản, trang thiết bị của trường cũ, hỏng, lạc hậu so với yêu cầu đào tạo hiện nay như:

Ký túc xá được đầu tư chủ yếu trong các giai đoạn từ 1996 đến 2009, đến nay nhiều hạng mục xuống cấp nghiêm trọng, khu vệ sinh không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của sinh viên;

Hệ thống phòng tin học, phòng học ngoại ngữ dùng cho thực hành được đầu tư từ giai đoạn 2009-2012 đến nay lạc hậu, xuống cấp, thường xuyên phải bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa dẫn đến thiếu máy tính học tập vì tần suất sử dụng phòng máy gồm tất cả các buổi trong tuần;

Hệ thống phần mềm quản lý chỉ được triển khai ở một vài bộ phận và không có sự liên thông để sử dụng chung dữ liệu – đến nay chỉ có phần mềm tài chính (misa) sử dụng hiệu quả, ổn định; Hệ thống mạng lan nội bộ, máy chủ chưa được đầu tư (hiện đang thuê máy chủ) nên chưa áp dụng được việc quản trị đại học và lộ trình chuyển đổi số hiện tại cũng như tương lai;

Hệ thống phòng họp, hội thảo, hội trường được cải tạo, nâng cấp từ các phòng học, phòng làm việc chưa được đầu tư hiện đại đồng bộ, đặc biệt là các thiết bị chưa đáp ứng được tốt việc hội họp trực tuyến;

Phòng học đa chức năng đào tạo chất lượng cao, phòng LAP, phòng thực tế ảo.. chưa được đầu tư...

Hệ thống máy tính, máy in các thiết bị trang cấp cho giảng viên, cho cán bộ



thực hiện quản lí, điều hành, tuy đã được Nhà trường đầu tư nhưng vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của Trường.

**Bảng 6. Tổng quan về sơ sở vật chất của Nhà trường**

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
<b>I. Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng: 143.477 m<sup>2</sup></b>					
<b>II. Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học: 77.188 m<sup>2</sup></b>					
1	Phòng thí nghiệm...	3	Thí nghiệm Y sinh	SV	420
2	Phòng thực hành...	4	Tin học, Ngoại ngữ	SV	480
3	Xưởng thực tập... (sân, bãi ngoài trời)	16	Học tập các môn thể thao ngoài trời	SV	19.500
4	Nhà tập đa năng (Nhà thi đấu đa năng, nhà thể thao đa năng, nhà tập bóng bàn, bể bơi.	4	Học tập các môn thể thao trong nhà (bóng bàn, cầu lông, võ, bơi..)	SV	8.718
5	Hội trường	1	Họp trên 300 chỗ	CB, GV, SV	358
6	Phòng học (Giảng đường D1, Giảng đường 4 tầng, giảng đường 5 tầng Trung tâm).	3	Giảng dạy cho sinh viên trường và sinh viên TTGDQP - AN	SV	7.868
7	Phòng học đa phương tiện...	2	Hội thảo, họp trực tuyến	SV	280
8	Thư viện... Trung tâm học liệu...	1	Phục vụ sinh viên	SV	1.150
9	Các phòng, khu vực chức năng khác	2	Khu làm việc, điều hành hoạt động chung		7.910
10	Hệ thống Kí túc xá;	9	(từ 3-5 tầng) Phục vụ ở nội trú	SV	19.772
11	Sân, bãi luyện tập khác				10.732

### **7.2. Tần suất khai thác, nhu cầu sử dụng thiết bị**

Các chương trình đào tạo của Trường yêu cầu tính thực nghiệm cao, đặc biệt là trường đặc thù về giáo dục thể chất nên các môn học có nội dung thực hành - thí nghiệm cho các bậc đào tạo luôn cần hệ thống cơ sở vật chất, cần đến thiết bị và phân tích chuyên ngành. Tổng khối lượng giảng dạy phần thực hành và quan trắc rất lớn; với đặc thù đào tạo ngành thể chất và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh nên hầu hết sinh viên, học viên ăn ở nội trú; Hệ thống sân bãi như sân bóng đá, bóng

chuyên, cầu lông... và các trang thiết bị luyện tập như phòng Gym... ngoài việc đáp ứng số tiết đào tạo theo môn học thì nhu cầu rèn luyện ngoại khóa, tự rèn ngoài giờ của sinh viên. Từ đó có thể thấy tầm suất sử dụng sân bãi, nhà tập, sử dụng trang thiết bị, phòng học, giảng đường, kí túc xá là rất lớn.

Đối với các phòng học đa chức năng đào tạo chất lượng cao, phòng LAP, phòng thực tế ảo, trường quay... các phòng này hết sức cần thiết đối với trường đặc thù đào tạo chuyên ngành thể thao. Bởi vì, khi ứng dụng các video, băng hình vào bài giảng giúp những kỹ thuật, hình ảnh được làm chậm... giúp sinh viên cso khả năng tương tác, tiếp thu nhanh, hào hứng và chính xác các yếu lĩnh động tác, việc này khác xa với việc thị phạm động tác kiểu truyền thống, mặt khác nó làm thay đổi mạnh mẽ về phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo.

Từ thực trạng và nhu cầu thực tế, để Nhà trường có một cơ sở đào tạo khang trang, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo với trình độ khoa học và công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0, thực hiện lộ trình chuyển đổi số của Chính phủ và của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì việc xác định tiêu chuẩn, định mức đầu tư, mua sắm bổ sung, nâng cấp, thay thế máy móc, thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc, phục vụ công tác đào tạo và học tập của sinh viên Nhà trường là hết sức cần thiết.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

#### **1. Mục tiêu chung**

Xây dựng Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng đào tạo; xây dựng đội ngũ nhà giáo và đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tốt mục tiêu đổi mới chương trình và phương pháp dạy học; tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá trở thành cơ sở giáo dục đại học, bồi dưỡng và nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ có uy tín về giáo dục thể chất; đến năm 2030 trở thành trường đa ngành với các lĩnh vực trọng tâm đào tạo Giáo dục Thể chất; Quốc phòng An ninh; chăm sóc sức khoẻ; đào tạo tài năng thể thao; nghiên cứu khoa học thể thao, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### **2.1. Về quy mô, ngành nghề đào tạo**

- Phát triển ngành nghề đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển từ đào tạo theo năng lực của trường sang đào tạo theo nhu cầu xã hội. Cụ thể:

- + Mở mã ngành đào tạo tiến sĩ (đã tuyển khoá đầu tiên với 04 NCS)
- + Mã ngành huấn luyện thể thao
- + Mở ngành GDQPAN

- + Mở trường phổ thông năng khiếu.
- Phát triển quy mô đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo:
- + Đào tạo từ 2.000 - 2.500 học viên, sinh viên.
- + Đào tạo Giáo dục quốc phòng- An ninh mỗi năm từ 15.000 đến 20.000 sinh viên cho các trường đại học, học viện, cao đẳng khu vực Hà Nội.
- + Tổ chức đào tạo theo 2 hình thức: Đào tạo chính quy, Đào tạo vừa làm vừa học.
- + 100% môn học lý thuyết có bài giảng và tài liệu học tập Elearning.
- + Các môn học thực hành có video hướng dẫn; có phòng mô phỏng động tác, kỹ thuật thực hành...
- + Đảm bảo đạt tỷ lệ 95% SV tốt nghiệp.
- + Đảm bảo đạt tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm ở mức 80%.
- + Mở rộng hợp tác có hiệu quả với doanh nghiệp, tập đoàn về đào tạo.

## **2.2. Về khoa học công nghệ**

- Triển khai 80 - 100 đề tài cấp cơ sở; 06 - 08 đề tài cấp Bộ; 15 - 20 bài báo khoa học quốc tế; 100 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí và trên 6 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên đoạt giải toàn quốc khối các trường TĐTT.
- Tổ chức 01 hội nghị khoa học quốc tế.
- Triển khai đảm bảo từ 80-95% giáo trình.
- Mỗi năm công bố 1-2 cuốn sách chuyên khảo.

## **2.3. Về hợp tác quốc tế**

- Đào tạo lưu học sinh: 15-20 và bồi dưỡng: 20 - 30 học viên/năm
- Tổ chức từ 2-3 đoàn giao lưu và thi đấu TĐTT ngoài nước.
- Cử 2-3 người đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngoài nước.
- Cử 3- 5 đoàn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
- Ký kết từ 5- 8 đối tác về đào tạo, bồi dưỡng, liên kết đào tạo.

## **2.4. Về đảm bảo chất lượng**

- Kiểm định theo tiêu chuẩn quốc gia 02 chương trình đào tạo
- Hoàn thiện các quy trình kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài.

## **2.5. Về phát triển đội ngũ**

- Tỷ lệ giảng viên/sinh viên đạt 1/10-15.
- Giảng viên có học vị tiến sĩ chiếm tỷ lệ 25%.

- 100% giảng viên đạt chuẩn chức danh.
- 90% viên chức quản lý đạt chuẩn theo vị trí.
- Cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ: Từ 10 - 12 người; Cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ 05- 10 người; Cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị: 03 - 05 người; Cử đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: từ 300 - 350 lượt.
- Hoàn thiện đề án vị trí việc làm.

## **2.6. Về nguồn lực tài chính**

- Thực hiện lộ trình tự chủ của nhà trường theo quy định của Nhà nước đến năm 2025 tự chủ tài chính 60-70%/năm.
- Đảm bảo nguồn thu hợp pháp khác từ 25-27 tỷ/năm.

## **2.7. Về cơ sở vật chất**

Tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục công trình đáp ứng yêu cầu đào tạo theo quy mô phát triển của nhà trường đạt chuẩn. Cụ thể:

- Có đầy phòng học, sân bãi, nhà tập, nhà thi đấu đa năng... đáp ứng quy mô đào tạo.
- Đầu tư thêm 01 nhà đa năng đạt tiêu chuẩn thi đấu quốc gia đáp ứng nhu cầu học tập và thi đấu các môn thể thao trong nhà.
- Sửa chữa, trang bị, nâng cấp sân tập, đầu tư cơ sở vật chất, dụng cụ phục vụ học tập khang trang, hiện đại và đồng bộ.
- Cải tạo, nâng cấp hạ tầng, cảnh quan, môi trường.
- Sửa chữa, nâng cấp ký túc xá sinh viên.
- Đầu tư CSVC, thiết bị, công nghệ thông tin, phần mềm... thực hiện chuyển đổi số theo lộ trình của chính phủ và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đầu tư, nâng cấp hệ thống CSVC như: Phòng ngoại ngữ; tin học, phòng LAP, thực tế ảo; trường quay, các phòng đa năng; phòng trực tuyến; phòng họp, hội trường, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và làm việc.

## **2.8. Về kết nối và phục vụ cộng đồng**

- Ủng hộ, giúp đỡ các đối tượng đồng bào vùng khó khăn; Chuyên giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực TĐTT từ 2-3 sản phẩm cho cộng đồng; Tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng.

## **3. Quy mô tuyển sinh dự kiến của Trường trong 5 năm tới**

Căn cứ quy mô đào tạo trong các năm vừa qua, trên cơ sở định hướng phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo, nhà Trường xác định quy mô đào tạo trong các năm 2021 – 2025 như sau:

**Bảng 07: Quy mô đào tạo dự kiến của Trường từ 2021-2025**

TT	Hệ đào tạo	Hiện trạng hiện tại	Quy mô đào tạo dự kiến			
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Ngành GDTC chính quy và VLVH	2.229	500-600	550-650	600-700	650-750
2	Đào tạo thạc sỹ	69	50	50	50	50
3	Đào tạo tiến sỹ	4	3	3	4	5
4	Ngành huấn luyện thể thao	0	50	50	100	100
5	Ngành GDQP&AN	0	50	50	100	100
6	Mở trường phổ thông năng khiếu.	0			30	50

Căn cứ vào yêu cầu thực tế cần đầu tư, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đề xuất tiêu chuẩn định mức phòng làm việc và trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến và trang thiết bị, máy móc chuyên dùng phục vụ cho nhu cầu làm việc, đào tạo, thực hành và nghiên cứu khoa học để có căn cứ xây dựng các dự án đầu tư mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường theo các phụ lục sau:

#### 4. Phụ lục tiêu chuẩn định mức

**4.1. Phụ lục 1: Tiêu chuẩn, định mức phòng làm việc và trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến.**

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Mức tối đa (triệu đồng, chiếc, bộ, m <sup>2</sup> )
<b>A</b>	<b>Tiêu chuẩn, định mức phòng làm việc</b>		
<b>I</b>	<b>Diện tích làm việc cho chức danh và tương đương</b>		
1	Hiệu trưởng, chủ tịch Hội đồng trường và các chức danh tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,0 đến dưới 1,25 (tính cho 01 người)	01 phòng	Phòng làm việc riêng theo thiết kế chung của tòa nhà
2	Trưởng phòng, Khoa, Trung tâm và tương đương (có hệ số phụ cấp chức vụ 0,5)	01 phòng	Phòng làm việc riêng theo thiết kế chung của tòa nhà
3	Phó Trưởng: Phòng; Khoa; Trung tâm và tương đương (có hệ số phụ cấp chức vụ 0,4 trở xuống)	Chung với văn phòng làm việc của đơn vị	

<b>II</b>	<b>Phòng làm việc chung của các phòng, khoa, TT (trừ TTGDQP&amp;AN)</b>		
1	Cấp phòng: có 1 hoặc hơn 1 phòng làm việc chung (theo quy mô, tính chất hoặc thiết kế của nhà làm việc để bố trí phù hợp.	02 Phòng	30 m <sup>2</sup> - 45m <sup>2</sup>
2	Cấp Khoa: Văn phòng làm việc chung của đơn vị (bố trí cho giảng viên chính, giảng viên tại các khoa). Trường hợp giảng viên chính, giảng viên bố trí làm việc riêng tối đa 10 m <sup>2</sup> /người.	02 Phòng	20 m <sup>2</sup> - 65m <sup>2</sup>
<b>B</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của chức danh</b>		
<b>I</b>	<b>Hiệu trưởng, chủ tịch Hội đồng trường và các chức danh tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,0 đến dưới 1,25 (tính cho 01 người)</b>		
<b>1</b>	<i>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh (tính cho 01 người)</i>		
	- Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	
	- Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	
	- Máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	01 bộ hoặc 01 chiếc	
	- Điện thoại cố định	01 chiếc	
<b>2</b>	<i>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh (tính cho 01 phòng làm việc)</i>		
	- Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	
	- Máy in	01 chiếc	
	- Điều hòa	Theo thiết kế	
<b>II</b>	<b>Phó hiệu trưởng, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,0 (tính cho 01 người)</b>		

<b>1</b>	<i>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh (tính cho 01 người)</i>		
	- Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	
	- Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	
	- Máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	01 bộ hoặc 01 chiếc	
	- Điện thoại cố định	01 chiếc	
<b>2</b>	<i>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh (tính cho 01 phòng làm việc)</i>		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	
	2. Máy in	01 chiếc	
	3. Điều hòa	Theo thiết kế	
<b>III</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của chức danh trưởng phòng, trưởng khoa, các chức danh tương đương ... có hệ số phụ cấp chức vụ 0,5 (tính cho 01 người)</b>		
<b>1</b>	<i>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh (tính cho 01 người)</i>		
	1. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	
	2. Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	
	3. Máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay.	01 bộ	
	4. Điện thoại cố định (theo tờ trình được duyệt cho từng đơn vị)	01 chiếc	
	6. Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	
	7. Máy in	01 cái	
	8. Điều hòa	Theo thiết kế	
<b>IV</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của chức danh phó trưởng phòng, phó trưởng khoa các chức danh tương đương ... có hệ số phụ cấp chức vụ 0,4 (tính cho 01 người)</b>		
<b>1</b>	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	

2	Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	
4	Máy in (dùng chung)		
<b>V</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của các chức danh còn lại.</b>		
1	<i>Chuyên viên, nhân viên và tương đương</i>		
2	Máy vi tính để bàn	01 bộ	
3	2. Máy in (dùng chung)	01 chiếc	
4	3. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 chiếc	
5	4. Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	
6	Giảng viên chính, giảng viên và tương đương	Sử dụng chung trang thiết bị tại VP Khoa	Theo mục II, phần C của phụ lục I
7	Chuyên gia, Giáo sư, Phó Giáo sư, giảng viên cao cấp		Tùy theo lĩnh vực, nhiệm vụ công tác P. QTTB trình CSVN thiết bị phù hợp.
<b>C</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác hành chính, văn thư, đào tạo.</b>		
<b>I</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác hành chính, Đào tạo</b>		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	
	2. Tủ đựng tài liệu	05 chiếc	
	3. Giá đựng công văn đi, đến	02 bộ	
	4. Máy tính để bàn (chạy phần mềm)	02 bộ	
	5. Máy in (bằng, bảng điểm, văn bản)	02 cái	
	6. Máy photocopy: Hành chính, Đào tạo và kiểm định chất lượng ĐH	03 cái	
	7. Máy Scan (Phòng HCTH)	01 chiếc	
	8. Điện thoại cố định	01 chiếc	
<b>II</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác các Khoa,</b>		



	<i>Viện, Trung tâm, trạm y tế, VP công đoàn trường, ĐTN trường- tính cho 01 đơn vị.(Trừ Trung tâm GDQP&amp;AN)</i>		
1	<i>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác các Khoa, VP công đoàn, ĐTN trường- tính cho 01 đơn vị</i>		
	- Bộ bàn, ghế họp kết hợp làm việc dùng chung	01 bộ	
	- Tủ đựng tài liệu	05 chiếc	
	- Điện thoại cố định (theo tờ trình được duyệt cho từng đơn vị)	01 chiếc	
	- Máy in	01 chiếc	
	- Máy tính	01 chiếc	
2	<i>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác các Phòng</i>		
	- Bộ bàn, ghế tiếp khách	01 bộ	
	- Các trang thiết bị làm việc		Áp dụng theo quy định tại các chức danh
3	Điều hòa lắp theo thiết kế phòng		

**Ghi chú:**

- Định mức sử dụng máy in quy định tại Phụ lục 1 áp dụng cho phòng làm việc dưới 05 người. Trường hợp phòng làm việc có từ 05 người trở lên được bổ sung theo nguyên tắc cứ tăng đến 05 người thì được trang bị bổ sung 01 máy ...(Áp dụng đối với khối Hành chính).

- Các văn phòng bộ môn trực thuộc khoa nào sử dụng chung CSVC với Khoa đó, trường hợp cần thiết phải có CSVC, phòng làm việc riêng phải có tờ trình được BGH phê duyệt (việc trang cấp theo các chức danh phụ lục 1).

- Kinh phí đầu tư tiêu chuẩn, định mức phòng làm việc và trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**4.2. Phụ lục 2: Tiêu chuẩn định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng**

**PHỤ LỤC 2  
TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG**

<b>TT</b>	<b>Chủng loại thiết bị chuyên dùng</b>	<b>DVT</b>	<b>Số lượng định mức</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>Phòng học, máy móc thiết bị phục vụ giảng dạy lý thuyết, thực hành</b>			
<b>I</b>	<b>Máy tính dùng cho quản trị đại học phục vụ chuyển đổi số</b>			
1	Bộ máy tính: Core i5- CPU 11th Gen; Bàn phím + Chuột đồng bộ hãng sản xuất, giao tiếp USB; Màn 21,5 inch	Bộ	30	Hoặc tương đương
2	Máy in	Cái	15	
<b>II</b>	<b>Máy móc thiết bị phục vụ giảng dạy lý thuyết tại giảng đường</b>			
1	Máy chiếu + màn chiếu	Bộ	14	
2	Bộ micro không dây	Bộ	14	
3	Loa cột công suất định mức 20w (4 cái/phòng)	Cái	48	
4	Âm ly	Bộ	14	
5	Máy tính cấu hình cao phục vụ học trực tuyến	Bộ	18	Dạy học online
6	Webcam	Cái	18	
<b>III</b>	<b>Phòng thực hành Y sinh</b>			
<b>1.</b>	<b>Trang bị phòng thực hành</b>			
1	Máy chiếu + màn chiếu	Bộ	1	
2	Bộ micro không dây	Bộ	1	
3	Hệ thống loa, âm ly	Bộ	1	
4	Máy vi tính	Bộ	1	
<b>2.</b>	<b>Mô hình giảng dạy Y sinh</b>			
1	Mô hình dạy hô hấp nhân tạo	Chiếc	5	
2	Máy đo huyết áp	Chiếc	5	
3	Mô hình bộ xương người	Bộ	3	
4	Mô hình bộ cơ người	Bộ	3	
5	Mô hình khớp người	Bộ	3	
6	Mô hình cơ quan nội tạng	Bộ	2	
7	Mô hình bộ thần kinh	Bộ	3	

8	Mô hình huyết đạo cơ thể người	Bộ	2	
9	Máy đánh giá các chỉ số sinh lí	Cái	1	
<b>IV</b>	<b>Phòng Tin học</b>	<b>02</b>	<b>Phòng</b>	<b>Chuyên dụng</b>
1	Bộ Máy tính học viên	Chiếc	75	
2	Bộ máy tính giảng viên	Bộ	01	
3	Lưu điện	Chiếc	1	
4	Bàn liên ghế học viên	Bộ	75	
5	Bàn, ghế Giảng viên	Bộ	01	
6	Điều hoà 24.000BTU và ống đồng, bảo ôn, phụ kiện, lắp hoàn thiện.	Chiếc	06	
7	Loa cột công suất định mức 20w	Cái	08	
8	Âm ly	Cái	02	
9	Hệ thống mạng internet: ( <i>Tủ mạng, modem, Switch, dây mạng và lắp đặt hoàn thiện</i> )	HT	02	
10	Máy chiếu	Bộ	01	
11	Micro	Bộ	01	
<b>V</b>	<b>Phòng ngoại ngữ (nhà thể chất)</b>	<b>Phòng</b>	<b>02</b>	<b>Chuyên dụng</b>
1	Máy chủ Giảng viên	Bộ	02	
2	Máy tính học viên	Bộ	60	
3	Bàn liên ghế	Bộ	60	
	Bàn, ghế giảng viên	Bộ	01	
4	Hệ thống mạng internet: <i>Tủ mạng, modem, Switch, dây mạng và lắp đặt hoàn thiện</i>	HT	02	
5	Loa cột công suất định mức 20w	Cái	08	
6	Âm ly	Cái	02	
7	Điều hoà 24.000BTU và ống đồng, bảo ôn, phụ kiện, lắp hoàn thiện.	Chiếc	06	
8	Màn hình tương tác	Cái	01	
9	Bộ xử lý trung tâm ( <i>cài đặt phần mềm quản lý lớp học, kết nối với các thiết bị bộ điều khiển trung tâm, màn hình tương tác., truyền phát các tập tin đa phương tiện (âm thanh, hình ảnh, video) đến máy học sinh</i> )	Bộ	01	
10	Bộ điều khiển trung tâm: ( <i>tăng giảm âm lượng micro, tắt âm thanh từ loa, tắt âm thanh micro, chuyển đổi màn hình hiển thị giữa bộ xử lý trung tâm của bục giảng hoặc laptop (MT) kết nối từ ngoài vào bục giảng</i> )			

10	Camera vật thể	Bộ	01	
11	Phần mềm dạy, học ngoại ngữ	PM	01	
12	Micro	Bộ	01	
13	Tai nghe	Cái	60	
<b>VI</b>	<b>Phòng học đa năng (tin học, ngoại ngữ)</b>	Phòng	02	Đa năng
1	Máy tính Core i5- CPU 11th Gen Bàn phím + Chuột đồng bộ hãng sản xuất, giao tiếp USB; 21,5 inch, Độ phân giải: Full HD (1920x1080)	Bộ	62	
2	Bàn, ghế máy tính: Bàn Kích thước: 1200 x 600 x 750mm; ghế: W495xH445-765 mm	Bộ	62	
3	Thiết bị chuyên mạch 48 cổng	Cái	2	
4	Màn hình hiển thị	Cái	2	
5	Loa cột công suất định mức 20w; tối đa 30w	Cái	4	
6	Micro cầm tay không dây	Cái	4	
7	Bộ thu không dây	Bộ	2	
8	Hệ bảng trượt	Bộ	2	
9	Webcam	Cái	62	
10	Tai nghe có khung choàng đầu (kèm micro)	Cái	62	
11	Tủ rack 12U đựng thiết bị	Cái	02	
12	Máy tính giảng viên có phần mềm điều khiển các máy học viên	Bộ	02	
13	Điều hoà 24000 BTU (ống đồng, bảo ôn, vật tư phụ và lắp đặt)	Bộ	03	
<b>XII</b>	<b>Phòng học thông minh</b>	<b>Phòng</b>	02	
1	Màn hình (/bảng) tương tác	Chiếc	02	
2	Máy chiếu (/máy chiếu tương tác)	Chiếc	02	
3	Hệ bảng xanh viết bảng trượt	Chiếc	02	
4	Bục giảng cho giáo viên	Chiếc	02	
5	Máy chiếu vật thể	Chiếc	02	
6	Máy tính	Bộ	60	
7	Hệ thống âm thanh cho lớp học			
7.1	Bộ micro không dây	Bộ	02	
7.2	Amplifier	Bộ	02	

7.3	Loa công suất định mức 20w	Bộ	08	
8	Hệ thống thông báo thông minh (tích hợp thông báo voice/ tin nhắn text, chữ chạy title, tích hợp đồng hồ, ...)	HT	02	
9	Camera ghi hình bài giảng	Cái	02	
10	Camera tracking; Bộ xử lý video trung tâm	Bộ	02	
<b>XIII</b>	<b>Phòng thí nghiệm LAB</b>			
1	Máy tính hiệu năng cao	Chiếc	30	
2	Phần mềm mô phỏng	Phòng	1	
5	Flycam, Drone	Chiếc	1	
6	Phần mềm phân tích hình ảnh kỹ thuật thể thao Simi motion 3D	Phần mềm	1	
7	Hệ thống kiểm tra chức năng tuần hoàn, hô hấp và xe chạy. Đo công năng tim phổi, hô hấp, trao đổi năng lượng trong vận động	HT	1	
8	Máy tập chạy	Cái	3	
<b>IX</b>	<b>Trường quay ghi hình Video</b>			
1	Điều hoà 24.000BTU (Bảo ôn, ống đồng, phụ kiện và lắp đặt)	Bộ	2	
2	Bàn ghế	Bộ	20	
3	Máy quay phim và phụ kiện	Chiếc	01	
4	Máy tính biên tập, xử lý và lưu trữ Video	Bộ	01	
5	Phần mềm xử lí Video	PM	01	
6	Hệ thống âm thanh (âm ly, thu âm, loa)	HT	01	
<b>X</b>	<b>Thiết bị VP hỗ trợ giảng dạy</b>			
1	Máy In	Chiếc	10	
2	Máy Scanner	Chiếc	1	
3	Máy Photo	Chiếc	2	
4	Máy huỷ tài liệu	Chiếc	1	
5	Máy hút bụi	Chiếc	2	
6	Máy đóng sách	Chiếc	1	
<b>XI</b>	<b>Học liệu</b>			
1	Video bài giảng			
2	Video hướng dẫn dạy			
3	Ebook			

4	Flipbook			
<b>B</b>	<b>Máy móc, thiết bị sân tập, nhà tập, nhà thi đấu</b>			
<b>I</b>	<b>Nhà thi đấu đa năng</b>			
1	Trải sàn thi đấu	m <sup>2</sup>	1.500	
2	Loa điều hành công suất 200w	Cái	08	
3	Mixer công suất 800w	Cái	01	
4	Micro không dây (đầu thu có 2 tay mic)	Bộ	02	
5	Máy tính	Bộ	01	
6	Bộ cột bóng rổ	Bộ	01	
7	Hệ thống chiếu sáng (đèn 400 w chống chói đạt tiêu chuẩn thi đấu)	Cái	36	
8	Ghế khán giả	Cái	500	
8	Thảm, đệm học thể dục 200cm x 100cm x 10cm	Cái	15	
10	Bàn ghế chờ	Bộ	10	
<b>II</b>	<b>Nhà tập đa năng</b>	Nhà	01	1.392 m <sup>2</sup>
1	Âm ly (mixer) 800w	Cái	01	
2	Loa điều hành công suất 200w	Cái	04	
3	Thảm trải sàn học môn Cầu lông	Bộ	06	
4	Bàn Bóng bàn	Bộ	15	
5	Thảm trải sàn học môn Bóng bàn	Bộ	15	
6	Hệ thống chiếu sáng (Tủ điện, đèn chiếu sáng chống chói phục vụ luyện tập, thi đấu, dây điện và lắp đặt hoàn thiện).	HT	01	
<b>III</b>	<b>Sân điền kinh, sân bóng đá</b>	Sân	02	
1	Hệ thống chiếu sáng (tủ điện điều khiển, dàn đèn chiếu led, dây điện, cột đèn, lắp dựng hoàn thiện).	HT	02	
2	Đệm tập nhảy cao	Bộ	04	
3	Máy thổi lá cây	Cái	01	
4	Cầu môn bóng đá	Bộ	03	
<b>IV</b>	<b>Sân tennis, sân bóng rổ</b>	Sân	04	
1	Hệ thống chiếu sáng (tủ điện điều khiển, dàn đèn chiếu led, dây điện, cột đèn, lắp dựng hoàn thiện).	HT	04	
2	Cột bóng rổ	Bộ	04	

3	Bộ cột, lưới tennis	Bộ	04	
<b>V</b>	<b>Hệ thống sân bóng chuyên</b>	sân	5	
1	Hệ thống chiếu sáng (tủ điện điều khiển, dàn đèn chiếu led, dây điện, cột đèn, lắp dựng hoàn thiện).	HT	01	
2	Bộ cột, lưới bóng chuyên	Bộ	05	
<b>VI</b>	<b>Bể bơi</b>			
1	Hệ thống chiếu sáng (tủ điện điều khiển, dàn đèn chiếu led, dây điện, cột đèn, lắp dựng hoàn thiện).	HT	01	
2	Hệ thống máy bơm tuần hoàn:			
2.1	Máy châm hoá chất tự động	Cái	02	
2.2	Máy hút đáy bể bơi + dây hút	Bộ	01	
2.3	Máy bơm đẩy 5,5kw	Cái	03	
2.4	Bình lọc công nghiệp 6m <sup>3</sup> /bình, hệ thống ống dẫn Ø 330, giá đỡ, ống, côn thu, van khoá, đồng hồ áp suất	Bộ	04	
3	Ghế khán đài	Cái	300	
4	Loa nén điều hành	Cái	02	
5	Âm ly	Cái	01	
6	Bàn, ghế chờ	Bộ	5	
<b>VII</b>	<b>Thiết bị hỗ trợ thể lực (Phòng Tập Gym)</b>			
1	Máy chạy bộ đơn	Cái	06	
2	Máy tập bụng	Cái	05	
3	Máy tập chân, mông	Cái	05	
4	Máy tập chạy đa năng có màn hình	Cái	10	
5	Máy tập đùi	Cái	05	
6	Máy tập lưng	Cái	05	
7	Dàn tạ đa năng	Bộ	03	
8	Máy tập vai và tay	Bộ	04	
9	Xe đạp có màn hình	Cái	05	
10	Máy tập Cardio	Cái	05	
11	Máy tập toàn thân (elliptical)	Bộ	05	
12	Máy tập cơ ngực	Cái	05	
13	Máy tập cơ vai	Cái	05	
14	Máy tập cơ lưng, xô	Cái	05	
15	Ghế tập tạ rời	Cái	10	

16	Bộ tạ tay + giá đỡ tạ	Bộ	10	
17	Tạ đĩa (tạ bánh)	Bộ	10	
<b>C</b>	<b>Phòng hội họp (Trang bị: hệ thống âm thanh, hình ảnh; Hệ thống bàn ghế, điện, làm mát ...theo thiết kế)</b>			
<b>I</b>	<b>Phòng đa năng: Hội thảo, họp (Phòng họp A)</b>	phòng	01	Diện tích 130m2
1	Hệ thống âm thanh (loa, âmly, trộn âm, tăng âm..)	Bộ	01	
2	Màn hình ti vi 85 inch	Chiếc	01	
3	Ghế đại biểu	Chiếc	65	
4	Máy tính: Core i5 trở lên, thế hệ 11	Bộ	01	
5	Máy chiếu phòng họp	Bộ	01	
6	Màn hình ti vi 55 inch	Chiếc	01	
7	Wecam hội trường	Cái	02	
8	Hệ thống micro (cầm tay và không dây để bàn)	Bộ	01	
9	Hệ thống bàn phòng họp (Bàn phòng họp, một bàn xếp 3 ghế có đầu quay chữ nhật )	Cái	22	
10	Tủ lạnh	Chiếc	01	
11	Hệ thống điều hòa 24.000 BTU (Bao gồm lắp đặt, dây điện, ống đồng, bảo ôn và phụ kiện khác)	Cái	03	Theo thiết kế, diện tích phòng
<b>II</b>	<b>Hội trường 300 chỗ</b>			
1	Màn hình hội thảo: Kích thước màn hình LED: 4.16m x 2.24m=9.3184m2; Độ phân giải: 2080 x 1120 pixel	Bộ	01	
2	Bộ máy tính xử lí video: Core i5, Ram: 8GB DDR4, hỗ trợ 64GB, Ổ cứng: 256 GB SSD; Màn hình: 21,5 inch; lắp kết nối màn (mục 1)	Bộ	01	
3	Ghế hội nghị hội thảo liền bàn viết	Cái	264	
4	Bàn hội thảo (1 bàn 2 ghế)	Cái	18	
5	Ghế cho bàn hội thảo	Cái	36	
6	Bục phát biểu	Cái	01	
7	Máy quay phục vụ giảng dạy trực tuyến kèm 01 bộ chân máy; phụ kiện, thẻ nhớ đầy đủ.	Bộ	01	



8	Thiết bị ghi hình trên cao: Khoảng cách bay tối đa 30km; thời gian tối đa 46 phút và bộ phụ kiện, điều khiển đầy đủ	Bộ	01	
9	Tủ hút ẩm bảo quản thiết bị điện tử	Cái	01	
10	Máy chiếu: độ sáng 5000-10000 ansi lumens; màn hình 300inch trở lên; 1920 x 1080 ( Full HD ) trở lên; phụ kiện và lắp đặt đầy đủ	Bộ	01	
11	Micro không dây (2 tay micro)	Bộ	03	
12	Hệ thống điều hòa 48.000BTU: (Bao gồm lắp đặt, dây điện, ống đồng, bảo ôn, áp-to-mat và phụ kiện khác)	Bộ	06	
13	Hệ thống âm thanh: (Âm ly liên công suất - Bàn mixer 800w; Cục đẩy công suất; Bộ trộn âm, các phụ kiện đầy đủ)	Bộ	01	
14	Loa hội trường 400w	Cái	06	
15	Giá để cố định Loa	Cái	02	
16	Giá treo loa	Cái	02	
17	Tủ để thiết bị thường			
18	Hệ thống mạng (Cân bằng tải; modem wifi, bộ chia mạng, dây mạng và vật tư, lắp đặt hoàn thiện.	HT	01	
19	Điều hòa 24.000BTU (Bao gồm lắp đặt, dây điện, ống đồng, bảo ôn, áp-to-mat và phụ kiện khác)	Cái	04	
20	Micro có dây để bục phát biểu	Cái	01	
<b>III</b>	<b>Các phòng họp theo chức năng</b>	phòng	02	P. Họp B; họp và phòng họp TTGDQP&AN
1	Âm ly (mixer)	Bộ	02	
2	Loa thùng công suất 200w	Bộ	04	
3	Micro không dây (2 tay mic)	Bộ	02	
4	Máy chiếu, giá treo và màn chiếu, lắp đặt hoàn thiện	Bộ	02	
5	Bàn ghế	Bộ	100	
6	Máy tính	Bộ	02	
7	Micro có dây để bục phát biểu	Bộ	02	
8	Micro bàn (micro không Hội nghị hội thảo)	Bộ	60	
9	Điều hòa 24.000 BTU (Bao gồm lắp	Bộ	03	Theo thiết kế,

	đặt, dây điện, ống đồng, bảo ôn và phụ kiện khác)			diện tích phòng
<b>IV</b>	<b>Hội trường 100 chỗ (Tầng 9, nhà điều hành trung tâm)</b>			
1	Máy vi tính	Bộ	01	
2	Màn led điện tử- Màn hình hội thảo: Kích thước màn hình LED: 3.6m x 2.24m; Độ phân giải: \$K	Cái	1	
3	Ghế đại biểu	Cái	100	
4	Hệ thống âm thanh (Loa, âm ly, Micro)	HT	1	
5	Hệ thống điều hòa 48.000 BTU (Bao gồm lắp đặt, dây điện, ống đồng, bảo ôn và phụ kiện khác)	Bộ	06	Theo thiết kế, diện tích phòng
<b>V</b>	<b>Phòng họp trực tuyến</b>			
1	Màn hình hiển thị (ti vi 100 inch, giá treo, vật tư lắp đặt)	Cái	01	
2	Microphone dùng để thu tín hiệu âm thanh đa điểm	Cái	01	
3	MCU - Multi Control Unit	HT	01	Kết nối các điểm hội nghị
4	Codec được dùng để xử lý, mã hóa nhận và truyền tín hiệu âm thanh, hình ảnh	HT	01	
5	Máy chiếu	Bộ	01	
6	Bộ máy vi tính	Bộ	01	
7	Hệ thống camera hội nghị, học trực tuyến (đầu thu, Camera, dây camera, micro..phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh)	HT	01	
8	Ti vi 55 inch	Chiếc	01	
9	Camera toàn cảnh phòng họp	Chiếc	01	
10	Loa cột 20w định mức; cực đại 30w	Bộ	04	
11	Micro hội nghị, hội thảo	Cái	20	
12	Micro để bàn (để bục phát biểu) có dây	Cái	01	
13	Âm ly	Bộ	01	
14	Bàn họp lớn: Bàn ghép hình chữ nhật, 4 góc bo cong; KT: (Dài x Rộng x Cao): 7340 x 2000 x 750mm.	Bàn	01	
15	Bàn đơn chữ nhật Kích thước (Dài x Rộng x Cao): 1900 x 500 x 750mm.	Bàn	08	
16	Ghế phòng họp	Cái	30	

17	Điều hòa 24.000BTU	Cái	03	Theo thiết kế, diện tích phòng
18	Tủ rack 12U đựng thiết bị	Cái	01	
<b>VI</b>	<b>Phòng tiếp khách của Trường</b>			
1	Bàn tiếp khách	Cái	01	Theo thiết kế, diện tích phòng
2	Ghế tiếp khách	Cái	10	
3	Tủ lạnh 350 lít	Cái	01	
4	Tủ trang trí, tung bày	Cái	02	
5	Điều hòa 24.000	Bộ	01	Theo thiết kế, diện tích phòng
<b>VII</b>	<b>Phòng lưu trữ</b>			
1	Máy hút ẩm			
2	Hệ thống giá, kệ			
3	Thiết bị phòng cháy	HT	01	Theo thiết kế
4	Máy hút bụi hồ sơ, tài liệu	cái	01	
<b>VIII</b>	<b>Phòng phát thanh và phòng truyền thông</b>			
<b>1.</b>	<b>Phòng phát thanh.</b>	Phòng	01	Theo thiết kế, diện tích phòng
1.1	Hệ thống loa phát thanh (Loa nén- dây lắp đặt hoàn thiện)	Cái	06	
1.2	Âm ly	Cái	01	
1.3	Bộ thu phát các chương trình AM; FM	Bộ	01	
1.4	Bàn, ghế	Bộ	01	
1.5	Điều hoà	Cái	01	
1.6	Máy quay phim	Cái	01	
1.7	Máy ảnh	Cái	01	
1.8	Bàn trộn âm thanh	Bộ	01	
1.9	Thiết bị LIVESTREAM	Bộ	01	
<b>2.</b>	<b>Phòng truyền thông</b>	Phòng	01	
2.1	Nội thất phòng truyền thông (Sa bàn)	Chiếc	04	
2.2	Tủ trưng bày 2m x 1,8m (gỗ tự nhiên)	Cái	06	
2.3	Hệ tủ trang trí (cao 2,5m x dài 6,5m x sâu 35 cm; bệ, đợt đặt cúp, đèn trang trí, bục để giá ảnh.	HT	01	
2.4	Hút ẩm	Cái	01	
<b>IX</b>	<b>Văn phòng Đảng uỷ</b>			

1	Bàn họp 2,4m x 1,2m	Cái	01	
2	Bàn chủ tọa 1,8m x 0,9m	Cái	01	
3	Tủ tài liệu	Cái	02	
4	Máy vi tính	Bộ	01	
5	Điều hoà 18.000 BTU	Bộ	01	
6	Ghế da đại biểu	Cái	10	
7	Ghế chủ tọa	Cái	01	
<b>X</b>	<b>Thư viện</b>			
1	Giá sắt 4 tầng chịu tải tối đa 3,5 tấn (KT: 2mx2,5m)	Cái	72	
2	Tủ trưng bày	Cái	03	
3	Bàn, ghế đọc sách	Bộ	100	
4	Bàn vi tính liền ghế	Bộ	06	
5	Máy vi tính tra cứu tài liệu	Bộ	06	
6	Bàn ghế nhân viên phục vụ thư viện	Bộ	03	
7	Điều hòa nhân viên thư viện 9000btu	Bộ	01	
8	Điều hòa cây phòng đọc 48.000btu	Bộ	4	
9	Máy hút bụi công nghiệp	Cái	01	
<b>XI</b>	<b>Các thiết bị phục vụ khác Phục vụ quản lí, điều hành</b>			
1	Thang máy 750 kg dùng cho nhà điều hành trung tâm (nhà 9 tầng).	HT	02	
2	Hệ thống phòng cháy và chữa cháy (theo thiết kế được duyệt).	Các khu vực trong trường		
3	Xe dưới 16 chỗ	Cái	02	
4	Xe chuyên dùng (16 chỗ trở lên)	Cái	02	
5	Máy photocopy	Cái	02	
6	Máy hủy tài liệu	Cái	02	
7	Máy Scan tài liệu	Cái	02	
8	Máy in bằng	Cái	01	
9	Máy in màu (thư mời, giấy khen..)	Cái	01	
10	Máy hút ẩm kho lưu trữ	Cái	01	

### 4.3. Phụ lục 3: Tiêu chuẩn định mức các phần mềm chuyển đổi số

#### PHỤ LỤC 3 PHẦN MỀM QUẢN TRỊ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ

STT	DANH SÁCH CHỨC NĂNG PHẦN MỀM	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
	<b>HỆ THỐNG PHẦN MỀM QUẢN TRỊ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
<b>I</b>	<b>Phần mềm quản lý tuyển sinh</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Cổng thông tin tuyển sinh với các đối tượng Đại học chính quy, phi chính quy, Sau đại học	Module	1
2	Quản lý học bổ sung kiến thức và học chuyển đổi		
3	Quản lý đăng ký ôn thi với Sau đại học		
4	Phần mềm quản lý tuyển sinh	Module	01
<b>4.1</b>	<b>Xét tuyển sinh đại học</b>		
<b>4.2</b>	<b>Tổ chức thi tuyển sinh</b>		
4.2.1	Tổ chức tuyển sinh		
4.2.2	Chức năng phân phòng thi		
4.2.3	Chức năng tổ chức thi		
4.2.4	Chức năng đóng túi thi		
<b>4.3</b>	<b>Quản lý điểm tuyển sinh</b>		
4.3.1	Chức năng nhập điểm thi		
4.3.2	Chức năng hỏi điểm thi		
4.3.3	Xét tuyển sinh		
4.3.4	Chức năng xét duyệt tuyển sinh		
4.3.5	Chức năng in phiếu bảng điểm để gửi về cho thí sinh		
4.3.6	Chức năng thống kê kết quả tuyển sinh		
<b>4.4</b>	<b>Quản lý tài chính tuyển sinh</b>		
4.4.1	Gán và thu phí tuyển sinh		
4.4.2	Tổng hợp báo cáo		
<b>II</b>	<b>Phần mềm Quản lý Sinh viên, học viên</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Sinh viên, học viên nhập trường	Module	1
2	Quản lý hồ sơ Sinh viên, học viên	Module	1
3	Tổng hợp, thống kê	Module	1
<b>III</b>	<b>Phần mềm Quản lý tài sản vật tư thiết bị</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Quản lý yêu cầu mua sắm	Module	1
2	Quản lý tài sản	Module	1
3	Khấu hao tài sản	Module	1

4	Thanh lý tài sản	Module	1
5	Hủy tài sản	Module	1
6	Báo cáo tổng hợp	Module	1
7	Tra cứu, tìm kiếm	Module	1
8	Quản lý người dùng	Module	1
9	Danh mục nhóm tài sản	Module	1
<b>IV</b>	<b>Phần mềm quản lý khối lượng giảng dạy</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Quản lý hồ sơ giảng viên	Module	1
2	Quản lý danh mục định mức	Module	1
3	Quản lý tiền giảng	Module	1
4	Quản lý hoạt động giảng dạy	Module	1
5	Danh mục	Module	1
6	Quản trị	Module	1
<b>V</b>	<b>Phần mềm quản lý nghiên cứu khoa học</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Khởi tạo chương trình	Module	1
2	Quản lý đề tài NCKH	Module	1
3	Quản lý xuất bản quốc tế/trong nước	Module	1
4	Quản lý hội nghị, hội thảo	Module	1
5	Quản lý sách/tài liệu giảng dạy	Module	1
6	Quản lý NCKH sinh viên	Module	1
7	Quản lý giải thưởng NCKH	Module	1
8	Quản lý sáng chế/GPHI	Module	1
9	Tính giờ KHCN	Module	1
10	Tìm kiếm, thống kê, báo cáo	Module	1
<b>VI</b>	<b>Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Module quản lý thông báo	Module	1
2	Quản lý Chương trình và kế hoạch thời khóa biểu	Module	1
3	Đề xuất khóa học	Module	1
4	Quản lý học tập	Module	1
5	Tìm kiếm	Module	1
6	Hỗ trợ chức năng học tập	Module	1
7	Bài kiểm tra/thi trong khóa học	Module	1
8	Lớp học ảo/hội thảo trực tuyến	Module	1
9	Thống kê	Module	1
10	Quản trị đào tạo	Module	1
11	Quản trị nội dung đào tạo	Module	1
12	Tổ chức thi	Module	1
13	Quản lý Điểm chứng chỉ	Module	1
14	Quản lý văn bằng chứng chỉ	Module	1
15	Tích Hợp Phần Mềm Zoom và Microsoft team Học Và Dạy Trực Tuyến	Module	1

<b>VII</b>	<b>Phần mềm quản lý chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Quản lý chương trình đào tạo	Module	1
2	Quản lý chương trình theo chuẩn đầu ra (CDIO)	Module	1
3	Kế hoạch đào tạo	Module	1
4	Lập kế hoạch môn chi tiết theo kỳ	Module	1
<b>VIII</b>	<b>Phần mềm quản lý thời khóa biểu</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Quản lý thời khóa biểu	Module	1
2	Xếp thời khóa biểu	Module	1
4	Trích lọc, báo cáo	Module	1
<b>IX</b>	<b>Cổng thông tin đào tạo, khảo sát chất lượng giảng dạy</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Quản lý trang tin tức	Module	1
2	Quản lý Đăng ký tín chỉ	Module	1
3	Cổng thông tin Sinh viên	Module	1
3.1	<i>Quản lý thông tin Sinh viên</i>		
3.2	<i>Trang thông tin Sinh viên</i>		
4	Cổng thông tin Cán bộ giảng viên/ chuyên viên/ Cố vấn học tập	Module	1
4.1	<i>Sử dụng chung</i>		
4.2	<i>Giảng viên</i>		
5	Khảo sát chất lượng giảng dạy	Module	1
<b>X</b>	<b>Phần mềm quản lý kết quả học tập</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Quản lý các quy chế	Module	1
2	Quản lý quá trình điểm	Module	1
3	Xét chứng chỉ, học vụ	Module	1
4	Chốt - Khóa và tra soát số liệu Điểm giữa các bộ phận	Module	1
5	Tổng hợp, thống kê	Module	1
<b>XI</b>	<b>Phần mềm quản lý tài chính sinh viên, học viên</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Quản lý học phí	Module	1
2	Quản lý học bổng	Module	1
3	Xét học bổng	Module	1
4	Chốt số liệu, Báo cáo đầu ra	Module	1
<b>XII</b>	<b>Phần mềm quản lý tốt nghiệp, cấp phát văn bằng, chứng chỉ</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Quản lý tốt nghiệp	Module	1
2	Quản lý văn bằng, chứng chỉ	Module	1
3	Thống kê, báo cáo	Module	1
<b>XIII</b>	<b>Phần mềm quản lý ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Danh mục hệ thống	Module	1
2	Ngân hàng câu hỏi	Module	1

3	Ngân hàng đề thi	Module	1
4	Thống kê thi	Module	1
5	Quản trị hệ thống	Module	1
<b>XIV</b>	<b>Phần mềm quản lý văn bản điều hành</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Quản lý văn bản đến	Module	1
1.1	<i>Nhập văn bản đến vào hệ thống</i>		
1.2	<i>Chuyển xử lý văn bản đến theo quy trình điện tử đã được phê duyệt trong thiết kế</i>		
1.3	<i>Ghi ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo</i>		
1.4	<i>Theo dõi tình trạng xử lý văn bản đến</i>		
1.5	<i>Tìm kiếm, Tra cứu văn bản đến</i>		
2	Quản lý văn bản đi	Module	<b>1</b>
2.1	<i>Quản lý quá trình soạn thảo, dự thảo văn bản đi</i>		
2.2	<i>Quản lý văn bản liên thông</i>	Module	<b>1</b>
3	Quản lý giao việc (điều hành công việc)	Module	<b>1</b>
3.1	<i>Tạo công việc và giao việc</i>		
3.2	<i>Theo dõi tình trạng xử lý công việc</i>		
3.3	<i>Ghi ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo</i>		
3.4	<i>Xử lý công việc được giao</i>		
4	Quản lý hồ sơ công việc	Module	<b>1</b>
4.1	<i>Quản lý thư mục lưu trữ hồ sơ công việc</i>		
4.2	<i>Quản lý hồ sơ công việc</i>		
5	Báo cáo thống kê	Module	1
5.1	<i>In sổ văn bản đi/ đến</i>		
5.2	<i>In báo cáo thống kê tình trạng xử lý văn bản</i>		
6	Trao đổi thông tin	Module	1
7	Các tiện ích	Module	1
8	Tích hợp chữ ký số	Module	1
<b>XV</b>	<b>Phần mềm quản lý Nhân sự</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Tuyển dụng nhân sự	Module	1
2	Quản lý hợp đồng lao động	Module	1
3	Quản lý hồ sơ cán bộ	Module	1
4	Quản lý lương	Module	1
5	Quản lý các quá trình	Module	1
6	Quản lý khen thưởng, kỷ luật	Module	1
7	Cổng thông tin cán bộ	Module	1
<b>XVI</b>	<b>Phần mềm Quản lý đánh giá môn học</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Khảo sát đánh giá môn học	Module	1
2	Khảo sát	Module	1
3	Đánh giá 360°	Module	1
4	Đánh giá Cựu SV, Nhà tuyển dụng	Module	1



<b>XVII</b>	<b>Phần mềm quản lý các chỉ tiêu đánh giá đảm bảo chất lượng</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Các tiêu chí người học: sự hài lòng về cơ sở vật chất; các tiện ích (sân chơi, phòng tự học,...) của Trường		
2	Các tiêu chí về đội ngũ: Tỷ lệ tiêu chí về nhân lực, trình độ cán bộ phục vụ đào tạo và giảng viên		
3	Các tiêu chí về người học: Tỷ lệ nhập học, thôi học, học lại, thi lại, tốt nghiệp, làm khoá luận, việc làm sau khi ra trường..		
4	Tài liệu, giáo trình, học liệu, học tập tại Thư viện		
5	Tỷ lệ người học của từng chương trình ThS và TS có bài báo khoa học trong nước và quốc tế		
6	Các báo cáo: về nguồn thu từ Học phí, Ký túc xá, Học lại, thi lại, Bảo vệ luận văn; nguồn thu từ tuyển sinh; tình hình thực hiện tài chính theo quý/ năm học (So sánh kế hoạch (1)/ thực hiện(2); biểu diễn số liệu báo cáo qua biểu đồ		
<b>XVIII</b>	<b>Phần mềm quản trị hệ thống</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	Quản trị hệ thống	Module	1
2	Quản lý danh mục cho toàn bộ hệ thống	Module	1
3	Lưu vết hệ thống	Module	1
4	Tích hợp hệ thống đăng nhập một lần, các hệ thống phần mềm liên thông	Gói	01
<b>XIX</b>	<b>Hệ thống app mobile cho người dùng</b>	<b>PM</b>	<b>1</b>
1	<b>App Mobile học viên:</b> Khen thưởng, kỷ luật, tài chính, Thông báo chung và đánh giá giảng dạy		
2	<b>App Mobile giảng viên:</b> Thông tin cá nhân; Thông báo chung, tin tức; Quản lý lớp; Quản lý khóa học; Quản lý tài liệu; Lịch học lịch thi, điểm danh, Hội họp...		
<b>XX</b>	<b>Phần mềm Quản lý ký túc xá</b>		
1	Quản lý danh mục	Modul	1
2	Quản lý phòng ký túc xá	Modul	1
3	Quản lý chi phí	Modul	1
<b>XXI</b>	<b>Phần mềm Quản lý kết quả học tập nghiên cứu sinh, cao học</b>		
1	Quản lý học bổ sung kiến thức (liên thông chức năng tuyển sinh)	Modul	1
2	Xét duyệt hồ sơ đủ điều kiện dự thi Cao học và làm Nghiên cứu sinh	Modul	1
3	Liên thông đến module Tuyển sinh và gọi nhập học và giấy báo trúng tuyển cho học viên Cao học	Modul	1
4	Quản lý nhập điểm theo lớp môn học	Modul	1
5	Quản lý thực hiện luận văn thạc sỹ, Tiến sỹ	Modul	1
<b>XXII</b>	<b>Phần mềm quản lý tổ chức thi</b>		

1	Lập danh sách thi	Modul	1
2	Kế hoạch thi	Modul	1
3	Tổ chức thi	Modul	1
<b>XXIII</b>	<b>Phần mềm quản lý điều hành một cửa</b>		
1	Quản lý thiết lập quy trình động	Modul	1
2	Quản lý đơn vị/tổ chức tham gia vào quy trình	Modul	1
3	Quản lý nhóm quyền theo module	Modul	1
4	Quản lý nhóm quyền theo phòng ban	Modul	1
5	Quản lý nhân viên	Modul	1
6	Quản lý nhật ký thao tác người dùng	Modul	1
7	Quản lý danh mục nghề nghiệp	Modul	1
8	Quản lý danh mục thủ tục hành chính một cửa	Modul	1
9	Quản lý danh mục hành chính	Modul	1
10	Quản lý thông tin hồ sơ dịch vụ một cửa	Modul	1
11	Phản hồi thông tin hồ sơ	Modul	1
<b>XXIV</b>	<b>Phần mềm Quản lý Hợp tác Quốc tế</b>	<b>PM</b>	<b>01</b>
1	Quản lý đoàn vào, đoàn ra: Mục đích / nội dung làm việc chính (Học cao học; Tham gia khóa đào tạo ngắn hạn; tham dự hội thảo; trao đổi, học hỏi kinh nghiệm;		
2	Nguồn kinh phí: Đối tác tài trợ; nguồn chính phủ, học bổng, kinh phí tự túc, nguồn khác		
3	Báo cáo kết quả chuyến đi (tính năng attached file, đính kèm báo cáo bản word và tư liệu ảnh, video...)		
4	Quản lý đề cương		
5	Quản lý về quảng bá, truyền thông, các đối tác hợp tác		
<b>XXV</b>	<b>Phần mềm quản lý lịch giảng</b>	<b>PM</b>	<b>01</b>
1	Đối với cán bộ lãnh đạo khoa/ bộ môn: toàn bộ các thông tin, quản lý về lịch giảng, tra cứu điểm, thời khóa biểu, phân công giảng dạy, thi..		
2	Đối với giảng viên: Nhập điểm, xem thời khóa biểu, lịch thi và kiểm tra, tra cứu thông tin người học; Tự xếp lịch giảng các lớp tin chỉ được xếp thời khóa biểu, xếp nội dung - hình thức giảng dạy- hình thức thi đến từng buổi học		
3	Chức năng cho thanh tra: Lọc thời khóa biểu đến ngày, học kỳ, năm học; Xem và in danh sách thời khóa biểu thanh tra		

#### IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đề xuất tiêu chuẩn định mức phòng làm việc và trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến và thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhu cầu làm việc, đào tạo, thực hành và nghiên cứu khoa học trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hoặc uỷ quyền cho Trường phê duyệt để có căn cứ xây dựng các dự án đầu tư mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng nhu

cầu phát triển của Nhà trường.

2. Đối với các danh mục đầu tư khác, tùy theo tình hình thực tế Nhà trường tiếp tục tổng hợp đề xuất nhu cầu và trình Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo trình tiêu chuẩn, định mức trong thời gian tiếp theo.

3. Các vật tư, trang thiết bị, dụng cụ học tập tiêu hao trong quá trình sinh viên học tập hàng năm, đề nghị Bộ GD&ĐT xem xét cho Nhà trường tự xây dựng tiêu chuẩn định mức hàng năm sát với nhu cầu học tập của sinh viên.

4. Đối với Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, do có tính chất đặc thù nên cần xây dựng và đề xuất tiêu chuẩn, định mức về thiết bị riêng.

Trên cơ sở phân tích đánh giá một cách khách quan nguồn lực con người, cơ sở vật chất, chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét phê duyệt tiêu chuẩn định mức trang thiết bị cho Nhà trường để triển khai thực hiện./.

**TRƯỜNG ĐHSPTDTT HÀ NỘI**  
**HIỆU TRƯỞNG**